

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HS-PT**

Ngày 28 - 12 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và bà Phạm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Tạ Văn Q do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Họ và tên: **Tạ Văn Q** (tên gọi khác: Tạ Hồng Q), sinh ngày 06/5/1959 tại tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Tạ Đ và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); vợ: Trần Thị D, sinh năm 1966 (đã ly hôn); và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 18/2014/HSST ngày 03/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (bị cáo đã chấp hành xong).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

*** Bị hại kháng cáo:** Ông Phạm Văn N, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Tạ Thị M, sinh năm 1970;

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

Nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 8/2011, ông Phạm Văn N, sinh năm 1959, trú tại Thôn X, xã Y, huyện H và chị Tạ Thị M, sinh năm 1970 trú tại thôn M, xã K, huyện H có tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn). Đến tháng 8/2019 ông N, chị M thống nhất chị M chuyển ra ở riêng tại một ngôi nhà (là tài sản của ông N, chị M) thuộc Thôn X, xã Y, huyện H. Sau khi chị M ra ở riêng có một số người đàn ông lạ đến ngôi nhà trên chơi với chị M, ông N biết chuyện nên giữa ông và chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 26/3/2020, ông N nhìn thấy anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1971, trú tại tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang đang dắt xe máy từ trong ngôi nhà chị M đang ở đi ra cổng, thấy có người lạ nên ông N và chị M đã nảy sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau, sự việc được mọi người can ngăn, sau đó ông N đi về, trước khi về ông N có nói với anh T “*Nếu còn gặp ở đây nữa thì đừng trách*”. Đến khoảng 10 giờ 00 phút, cùng ngày anh T điều khiển xe máy chở theo chị M đến nhà ông Tạ Văn Q, sinh năm 1959, trú tại thôn M, xã K, huyện H (ông Q là anh trai ruột của chị M) để chơi và ăn cơm tại nhà ông Q, trong khi chuyện trò anh T kể lại sự việc buổi sáng cho Tạ Văn Q nghe, nghe xong Tạ Văn Q nói tôi sẽ cùng sang nhà chị M, nếu gặp được ông N sẽ nói chuyện, giải hòa hai bên. Đến khoảng 21 giờ 00 phút, cùng ngày sau khi chị M đã báo công an viên của thôn về việc có Tạ Văn Q, Đỗ Ngọc T ngủ lại nhà mình, chị M đóng cổng và khép cửa để chuẩn bị đi ngủ, thì ông N đến kiểm tra và phát hiện anh T vẫn ở bên trong nhà chị M, ông N một mình cầm theo 01 đoạn Tuýp bằng kim loại dài 62 cm, đường kính 2,5cm; 01 đoạn dây xích có gắn 01 ổ khóa (mục đích dùng xích để khóa cổng ngôi nhà chị M đang ở), sau đó sẽ gọi Công an đến để giải quyết, khi vào trong nhà ông N thấy anh T đang ngồi trên ghế uống nước trong nhà, ông N tiến đến chửi “*Mẹ mày sao giờ này vẫn ở đây*”, anh T đáp “*Tao ở đây với M*”, sau đó hai bên xảy ra giằng co, xô đẩy, cãi chửi nhau, trong lúc giằng co anh T dùng tay nắm một phát trúng vào vùng mắt phải ông N, cùng lúc này Tạ Văn Q từ trong nhà vệ sinh đi ra phòng khách và thấy ông N đang giằng co, xô đẩy với anh T, Q vào can ngăn và bị ông N dùng tuýp sắt vụt nhưng không trúng, cho rằng ông N đánh mình nên Tạ Văn Q né sang trái và dùng tay phải giật đoạn tuýp sắt, đồng thời cúi người dùng tuýp sắt vụt 01 nhát trúng vào đầu gối chân trái của ông N, khiến ông N bị đau ngồi khụy xuống, sau đó Tạ Văn Q vụt đoạn gậy xuống nền nhà và ngồi xuống ghế tại bàn uống nước để chờ Công an viên đến giải quyết, trong khi ngồi nói chuyện giữa ông N và Tạ Văn Q tiếp tục xảy ra cãi chửi nhau, Tạ Văn Q tiếp tục cầm 01 ống điều thuốc lòn định đánh ông N, nhưng được mọi người có mặt can ngăn lại. Sau đó ông N kêu đau chân, được đưa đi cơ sở y tế để khám và điều trị.

Tại bản kết luận pháp y về thương tích số 110/2020/TgT ngày 12/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Gãy đầu trên xương mác trái: 03%.
2. Cơ chế vật gây thương tích: Thương tích gây nên do vật tầy tác động trực tiếp gây nên.
3. Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế Quy định về tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y: Áp dụng Chương 7 mục VIII, điểm 19.1.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 3% (ba phần trăm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn Q (Tạ Hồng Q), phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn Q (Tạ Hồng Q) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/8/2021).

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường dân sự như sau: Bị cáo Tạ Văn Q (Tạ Hồng Q) có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Phạm Văn N với tổng số tiền là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), được trừ đi số tiền bị cáo đã nộp trước là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Ông Phạm Văn N được nhận số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do bị cáo tự nguyện nộp trước (thể hiện tại biên lai số 2334, ngày 24/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2021, bị hại ông Phạm Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa tuyên phạt bị cáo Q mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo là quá nhẹ; Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông đã thỏa thuận bồi thường là không đúng thực tế; Cơ quan điều tra không xem xét khởi tố hành vi của bà Tạ Thị M và ông Đỗ Ngọc T là bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Phạm Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Về hình phạt đối với bị cáo ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự tại cấp sơ thẩm ông không được thỏa thuận với bị cáo về mức bồi thường, xong tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã xin lỗi ông nên bị cáo tự nguyện bồi thường cho ông bao nhiêu là do bị cáo, ông không có yêu cầu mức bồi thường cụ thể; đối với hành vi của bà Tạ Thị M và ông Đỗ Ngọc T, ông đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ để tránh bỏ lọt tội phạm.

Bị cáo Tạ Văn Q thừa nhận hành vi gây thương tích cho ông N là đúng, bị cáo nhất trí toàn bộ nội dung như bản án sơ thẩm đã xét xử. Trước khi xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo đã nộp số tiền 11.000.000đ vào Chi cục thi hành án huyện H mục

đích để bồi thường cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận cho bị cáo đã bồi thường xong về phần dân sự cho bị hại Phạm Văn N.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của bị hại là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng.

Về nội dung kháng cáo:

- Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan các chứng cứ, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Tạ Văn Q 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy không có căn cứ xem xét kháng cáo về hình phạt theo yêu cầu của bị hại.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Phạm Văn N tổng số tiền là 16.000.000 đồng, bị cáo đã nộp trước là 5.000.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo đã nộp tiếp số tiền 11.000.000đ vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để bồi thường đủ số tiền cho bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại không cung cấp chứng cứ mới, không đưa ra mức bồi thường cụ thể và nhất trí bị cáo tự nguyện bồi thường cho ông bao nhiêu là do bị cáo, ông không có ý kiến gì. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho bị hại.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại cho rằng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không khởi tố hành vi của chị Tạ Thị M và anh Đỗ Ngọc T là bỏ lọt tội phạm. Quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định việc anh T có đâm vào mắt ông N nhưng không có thương tích; anh T và chị M không cùng ý chí, không có sự chuẩn bị trước để đánh ông N nên chị M và anh T không là đồng phạm với bị cáo trong hành vi gây thương tích, do đó kháng cáo của bị hại về nội dung này là không có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị hại không xuất trình được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HSST ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Bị hại Phạm Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí đề nghị của kiểm sát viên. Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ hành vi của chị M và anh T để tránh bỏ lọt tội phạm.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 26/3/2020, tại nhà ở riêng của chị Tạ Thị M, Thôn X, xã Y, huyện H, Tạ Văn Q có hành vi dùng tay cầm 01 đoạn tuýp sắt dài 62cm, đường kính 2,5cm vút 01 lần trúng vùng đầu gối chân bên trái của ông Phạm Văn N, sinh năm 1959 trú tại Thôn X, xã Y, huyện H gây tổn thương cơ thể đối với ông N là 03% (ba phần trăm).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Cố ý gây thương tích, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác. Nguyên nhân dẫn đến bị cáo có hành vi gây thương tích cho bị hại xuất phát từ việc bị hại nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với anh T, trong lúc bị hại đang giảng cơ với anh T ở phòng khách thì bị cáo ở trong nhà vệ sinh đi lên thấy ông N và anh T đang giảng cơ thì bị cáo vào can ngăn thì bị hại đã có hành vi dùng đoạn tuýp sắt vút bị cáo nhưng không trúng, cho rằng bị hại đánh mình nên bị cáo giật được đoạn tuýp sắt từ tay bị hại, đồng thời cúi người dùng tuýp sắt vút 01 nhát trúng vào đầu gối chân trái của bị hại. Như vậy nguyên nhân dẫn đến hành vi bị cáo gây thương tích cũng có một phần lỗi của bị hại. Xét thấy vết thương và tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại không lớn (3%), vị trí thương tích không phải chỗ xung yếu trên cơ thể, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm như cấp sơ thẩm đã quyết định là thích đáng, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[3] Xét các nội dung kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về mức hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm là có căn cứ, mức hình phạt như vậy là đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra, do đó kháng cáo của bị hại cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử nhẹ là không có căn cứ chấp nhận.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại Phạm Văn N cho rằng trong quá trình điều tra ông chỉ kê các khoản phải chi phí hết 16.000.000đ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho ông 16.000.000đ chứ ông không được thỏa thuận gì với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm ông N không cung cấp được thêm chứng cứ gì mới về yêu cầu đòi bồi thường, nhưng ông xác định bị cáo bồi thường cho ông bao nhiêu tiền là tự nguyện của bị cáo, ông không đề nghị một mức bồi thường nào cụ thể. Xét, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông N tổng số tiền 16.000.000đ, được trừ đi số tiền bị cáo đã nộp trước là 5.000.000đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho ông N số tiền là 11.000.000đ, là phù hợp mới tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đúng với quy định của pháp luật. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo đã nộp tiếp số tiền 11.000.000đ vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện H mục đích để bồi thường đủ số tiền cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho bị hại.

- Đối với kháng cáo của bị hại cho rằng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H không khởi tố hành vi của chị Tạ Thị M và anh Đỗ Ngọc T là bỏ lọt tội phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định việc anh T có đâm vào mắt ông N nhưng không có thương tích; đánh giá lời khai anh T tại quá trình điều tra và lời khai của bà M tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng bà M, anh T không cùng ý chí, không có sự chuẩn bị trước để đánh ông N nên chị M và anh T không là đồng phạm với bị cáo trong hành vi gây thương tích, do đó kháng cáo của bị hại về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Từ các phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Văn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn Q (Tạ Hồng Q), phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn Q (Tạ Hồng Q) **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01** (một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/8/2021).

Giao bị cáo Tạ Văn Q (Tạ Hồng Q) cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận bị cáo Tạ Văn Q (Tạ Hồng Q) đã bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Phạm Văn N đủ số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*), được thể hiện tại biên lai số 2334, ngày 24/8/2021 số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và biên lai số 0002065 ngày 28/12/2021 số tiền 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ông Phạm Văn N có quyền yêu cầu thi hành án để được nhận khoản tiền nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về án phí: Bị hại Phạm Văn N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/12/2021)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng Hồ sơ CAT Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn